**TUẦN 8**

**Thứ Hai ngày 26** **tháng 11 năm 2020**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 31: an, ăn, ân**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Nhận biết và đọc đúng các vần an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần an, ăn, ân (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần an, ăn, ân.Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng đọc, viết**.** Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tình huống các bạn giẫm phải chân nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi).

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực tự học, hợp tác, quan sát.Phát triển năng lực giao tiếp.

**4. Phẩm chất:** Yêu thích động vật qua tình bạn Hươu và ngựa vằn, tập tính của gà con. Rèn tính kỉ luật.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**Tranh, khăn rằn, quả mận, SGK, bộ chữ, 3 bông hoa có ghi chữ; Mẹ có yêu không nào, loa, điện thoại.

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, khăn lau bảng, bút, tẩy.

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi chuyền hoa 3 bông (mỗi bông tiếng có từ vỉa hè, nụ cà, cá ngừ ).  - Nhận xét.  **2. Nhận biết**  - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - Em thấy gì trong tranh?  - Lớp cùng GV nhận xét.  - GV đưa câu nhận biết đọc mẫu và yêu cầu HS nói theo (GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo)  Ngựa vằn/ và hươu cao cổ/ là đôi bạn thân.  - GV giới thiệu các vần mới an, ăn, ân.Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc**  **a. Đọc vần**  \* Đọc vần an  - Đánh vần: GV đánh vần mẫu: a- n - an  - Đọc trơn vần: GV cho HS đọc trơn vần: an  \* Đọc vần ăn, ân.  Quy trình tương tự quy trình đọc vần an.  **\***So sánh các vần  - So sánh các vần an, ân, ăn có điểm gì giống và khác nhau?  + Em hãy đọc lại các vần vừa học?  **b. Đọc tiếng**  \* Đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: bạn   |  |  | | --- | --- | | b | an | | bạn | |   - GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng: bạn  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bạn.  (bờ - an - ban - nặng - bạn)  \* Đọc tiếng trong SGK  + Đọc tiếng chứa vần an:  - GV đưa các tiếng chứa vần an: bản, nhãn.  - Các tiếng trên có điểm gì chung?  - GV yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn các tiếng cùng vần.  + Đọc tiếng chứa vần ăn, ân: Qui trình tương tự vần an.  - Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa từ ngữ: bạn thân, khăn rằn, quả mận. Kết hợp giải thích từ “khăn rằn, quả mận” bằng vật thật.  - GV yêu cầu HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ trên.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu HS đọc lại các tiếng, từ ngữ vừa học.  **4. Viết bảng**  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần an, ăn, ân.  - HS viết vào bảng con: an, ăn, ân, bạn thân, khăn rằn (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS tham gia chơi  -HS trả lời câu hỏi khi nhận được bông hoa.  - 1 số HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS lắng nghe  - HS đọc câu nhận biết.  - HS theo dõi.  - HS đánh vần: CN-ĐT  - HS đọc trơn vần an : CN-ĐT  - HS so sánh: Giống nhau là đều có n đứng sau. Khác nhau ở chữ đứng trước a, ă, â.  - HS đọc CN, lớp ĐT.  - 2,3 HS đọc, lớp ĐT.  - HS lắng nghe, quan sát nhận biết mô hình và đọc  - HS đánh vần tiếng mẫu: CN – ĐT  - HS đọc trơn tiếng mẫu: CN-ĐT  - HS quan sát  - Đều chứa vần an.  - HS đánh vần, đọc trơn: CN-ĐT  - 3,4 HS đọc (mỗi HS đọc trơn 3, 4 tiếng lẫn hai nhóm vần). Lớp ĐT  - HS quan sát tranh, nêu tên sự vật trong tranh.  - HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ: CN-ĐT  - HS đọc theo nhóm.  - Lớp đọc ĐT (1 lần)  - HS quan sát.  - HS viết bảng con: an, ăn, ân, bạn thân, khăn rằn.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:**  - GV cho cả lớp hát bài: Mẹ có yêu không nào  **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS viết vần an, ăn, ân vàcác từ bạn thân, khăn rằn, vào vở Tập viết  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn: “Đàn gà cứ tha thẩn …chả sợ gì lũ quạ dữ”  - GV giải thích nghĩa từ ngữ: tha thẩn, che chắn (cho HS quan sát tranh).  - Tìm các tiếng có các vần an, ăn, ân?  - GV yêu cầu HS đọc tiếng đàn, chắn gần.  - Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp từng câu.  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Đàn gà tha thần ở đâu ?  +Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK, đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  +Em thấy những ai trong tranh?  +Các bạn đang làm gì?  +Có chuyện gì đã xảy ra?  +Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đủa nghịch, không giẫm vào chân nhau,..  **8. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần an, ăn, ân.  - Mời HS nhận xét - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV dặn dò HS cần biết nói lời xin lỗi khi mình làm gì đó sai. | - Lớp hát  - HS viết vào vở Tập viết: an, ăn, ân, bạn thân, khăn rằn, (mỗi vần, từ ngữ 1 hàng).  - HS đọc thầm.  - HS quan sát tranh  - Tiếng: đàn, chắn, gần.  - HS đọc: CN-ĐT  - Đoạn văn có 2 câu.  - 1 số HS đọc nối tiếp câu.  - 2,3 HS đọc cả đoạn – Lớp ĐT  - HS gần chân mẹ.  -HS đã có mẹ che chắn, bảo vệ...  - HS quan sát tranh trong SGK  - HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS quan sát lắng nghe  - HS thi tìm.  - HS nhận xét tiết học.  - HS lắng nghe |

**Sáng Thứ Ba ngày 27 tháng 10 năm 2020**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 32: On, ôn, ơn**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Nhận biết và đọc đúng các vần on, ôn ,ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần on, ôn ,ơn; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần on, ôn ,ơn (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần on, ôn ,ơn. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần on, ôn ,ơn có trong bài học.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng đọc, viết. Phát triển kỹ năng quan sát và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (khung cảnh rừng xanh vui nhộn, một số con vật sống trong rừng. Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Rừng xanh vui nhộn; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng (trong đó có một số từ ngữ chứa vần on, ôn, ơn).

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực giao tiếp, tự học, hợp tác, năng lực quan sát và suy đoán.

**4. Phẩm chất:** Yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, về muông thú trong rừng. Có ý thức bảo vệ rừng, động vật.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Bài hát Khúc hát sơn ca, loa, điện thoại; chữ mẫu; tranh.

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV tổ chức cho HS múa theo bài hát Khúc hát sơn ca  - Ổn định lớp bắt đầu vào bài học mới.  **2. Nhận biết**  - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - Em thấy gì trong tranh?  - Lớp cùng GV nhận xét.  - GV đưa câu nhận biết đọc mẫu và yêu cầu HS nói theo (GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo)  Sơn ca véo von:/ Mẹ ơi,/ con đã lớn khôn.  - GV giới thiệu các vần mới on, ôn ,ơn.Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc**  **a. Đọc vần**  \* Đọc vần: on  - Đánh vần: GV đánh vần mẫu: o - nờ - on  - Đọc trơn vần: GV cho HS đọc trơn vần: on  \* Đọc vần ôn, ơn.  Quy trình tương tự quy trình đọc vần on.  **\***So sánh các vần  - So sánh các vần on, ôn ,ơn có điểm gì giống và khác nhau?  + Em hãy đọc lại các vần vừa học?  **b. Đọc tiếng**  \* Đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: con   |  |  | | --- | --- | | **c** | on | | con | |   - GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng: con  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu con  (cờ - on- con )  \* Đọc tiếng trong SGK  + Đọc tiếng chứa vần on:  - GV đưa các tiếng chứa vần on: giòn, ngon.  - Các tiếng trên có điểm gì chung?  - GV yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn các tiếng cùng vần.  + Đọc tiếng chứa vần ôn, ơn :Qui trình tương tự vần on.  - Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: nón lá, con chồn, sơn ca.  - GV yêu cầu HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ trên.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu HS đọc lại các tiếng, từ ngữ vừa học.  **4. Viết bảng**  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần on, ôn ,ơn.  - HS viết vào bảng con: on, ôn ,ơn ,chồn, sơn (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS tham gia  - 1 số HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS lắng nghe  - HS đọc câu nhận biết.  - HS chỉ ra vần on, ôn, ơn.  - HS đánh vần: CN-ĐT  - HS đọc trơn vần on: CN-ĐT  - HS so sánh: Giống nhau là đều có n đứng sau. Khác nhau ở chữ đứng trước o, ô, ơ.  - 2,3 HS đọc, lớp ĐT.  - HS lắng nghe, quan sát nhận biết mô hình và đọc  - HS đánh vần tiếng mẫu: CN – ĐT  - HS đọc trơn tiếng mẫu: CN-ĐT  - HS quan sát  - Đều chứa vần on.  - HS đánh vần, đọc trơn: CN-ĐT  - 3,4 HS đọc (mỗi HS đọc trơn 3, 4 tiếng lẫn hai nhóm vần). Lớp ĐT  - HS quan sát tranh, nêu tên sự vật trong tranh.  - HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ: CN-ĐT  - HS đọc theo nhóm.  - Lớp đọc ĐT (1 lần)  - HS quan sát.  - HS viết bảng con:on, ôn ,ơn, chồn, sơn.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:**  - GV cho cả lớp chơi trò chơi Gió thổi.  **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS viết vần on, ôn ,ơn. Và các từ con chồn, sơn ca vào vở Tập viết  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn: “Bốn chú lợn con”  - GV giải thích nghĩa từ ngữ: no tròn, vu vơ (cho HS quan sát tranh).  - Tìm các tiếng có các vần on, ôn ,ơn ?  - GV yêu cầu HS đọc tiếng con, bốn, lợn.  - Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp từng câu.  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Có mấy chú lợn con được kể trong bài vè?  +Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chú lợn con?  +Theo em, các chú lợn con có đáng yêu không?  +Vì sao các chú rất đáng yêu vì vui vẻ, béo tròn?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK, đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  +Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?  +Cảnh buổi sáng hay buổi chiều?  +Dựa vào đâu mà em biết?  +Có những con vật nào trong khu rừng?  +Các con vật đang làm gì?  +Mặt trời có hình gì?  +Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thư thế nào?  - Yêu cầu 2 HS luyện nói theo nội dung tranh  - Mời một số HS luyện nói trước lớp.  - GV giáo dục HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.  **8. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần on, ôn ,ơn.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà nói cho bố mẹ nghe về các con vật ở trong rừng. | - Cả lớp chơi.  - HS viết vào vở Tập viết: on, ôn ,ơn, con chồn, sơn ca (mỗi vần, từ ngữ 1 hàng)  - HS đọc thầm.  - HS quan sát tranh  - Tiếng: con, bốn, lợn.  - HS đọc: CN-ĐT  - Đoạn văn có 3 câu.  - 1 số HS đọc nối tiếp câu.  - 2,3 HS đọc cả đoạn – Lớp ĐT  - HS trả lời có bốn chú lợn con.  - HS trả lời có vô tư, no tròn.  - HS trả lời  - HS quan sát tranh trong SGK  - HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS luyện nói theo cặp.  - HS trình bày trước lớp  - Lắng nghe.  - HS thi tìm theo yêu cầu.  - HS nhận xét tiết học  - HS quan sát lắng nghe |

**Sáng Thứ Ba ngày 27 tháng 10 năm 2020**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 33 - En, ên, in, un**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Nhận biết và đọc đúng các vần en, ên ,in, un; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần en, ên ,in, un; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần en, ên ,in, un (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần en, ên,in, un. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần en, ên ,in, un có trong bài học.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng đọc, viết**.** Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học). Phát triển kĩ năng quan sát, suy đoán nội dung tranh (các bạn học sinh sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ).

**3. Năng lực:** Phát triển giao tiếp, năng lực quan sát, hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**4. Phẩm chất:** Yêu thương, bảo vệ động vật.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:**Tranh: con cún; nến, đèn pin,SGK, bộ chữ , máy tính .

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.  - GV cho HS viết bảng on, ôn, ơn  - Ổn định lớp bắt đầu vào bài học mới.  **2. Nhận biết**  - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - Em thấy gì trong tranh?  - Lớp cùng GV nhận xét.  - GV đưa câu nhận biết đọc mẫu và yêu cầu HS nói theo (GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo)  Cún con /nhìn thấy /dế mèn/ trên tàu lá.  - GV giới thiệu các vần mới en, ên ,in, un.Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc**  **a. Đọc vần**  \* Đọc vần:en  - Đánh vần: GV đánh vần mẫu: e - n - en  - Đọc trơn vần: GV cho HS đọc trơn vần: en  \* Đọc vần ên ,in, un.  Quy trình tương tự quy trình đọc vần en.  **\***So sánh các vần  - So sánh các vần en, ên ,in, un có điểm gì giống và khác nhau?  + Em hãy đọc lại các vần vừa học?  **b. Đọc tiếng**  \* Đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu:mèn   |  |  | | --- | --- | | m | en | | mèn | |   - GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng: mèn  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu mèn.  (mờ - en - men - huyền - mèn)  \* Đọc tiếng trong SGK  + Đọc tiếng chứa vần en:  - GV đưa các tiếng chứa vần en: khèn, sen...  - Các tiếng trên có điểm gì chung?  - GV yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn các tiếng cùng vần.  + Đọc tiếng chứa vần ên ,in, un:Quy trình tương tự vần en.  - Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngọn nến, đèn pin, cún con.  - GV yêu cầu HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu HS đọc lại các tiếng, từ ngữ vừa học.  **4. Viết bảng**  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần en, ên ,in, un.  - HS viết vào bảng con: en, ên ,in, un, đèn pin, nến, cún (chữ cỡ vừa và nhỏ).  - GV nhận xét và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  - 1 số HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS lắng nghe  - HS đọc câu nhận biết.  - HS theo dõi.  - HS đánh vần: CN-ĐT  - HS đọc trơn vần on: CN-ĐT  - HS so sánh: Giống nhau là đều có n đứng sau. Khác nhau ở chữ đứng trước e, ê, i, u.  - 2,3 HS đọc, lớp ĐT.  - HS lắng nghe, quan sát nhận biết mô hình và đọc  - HS đánh vần tiếng mẫu: CN – ĐT  - HS đọc trơn tiếng mẫu: CN-ĐT  - HS quan sát  - Đều chứa vần en.  - HS đánh vần, đọc trơn: CN-ĐT  - 3,4 HS đọc (mỗi HS đọc trơn 3, 4 tiếng lẫn hai nhóm vần). Lớp ĐT  - HS quan sát tranh, nêu tên sự vật trong tranh.  - HS phân tích, đọc trơn: CN-ĐT  - HS đọc theo nhóm.  - Lớp đọc ĐT (1 lần)  - HS quan sát.  - HS viết bảng con:en, ên ,in, un, đèn pin, nến, cún.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn. |

**Chiều Thứ Tư ngày 28 tháng 10 năm 2020**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 34 : am, ăm, âm**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Nhận biết và đọc đúng các vần am, ăm, âm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần am, ăm, âm; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần am, ăm, âm (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần am, âm, ăm. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, ăm, âm có trong bài học.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng đọc, viết**.**  Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của loài vật (được gợi ý rong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, năng lực quan sát và suy đoán nội dung tranh.

**4. Phẩm chất:** Yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống; có ý thức bảo vệ môi trường.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Tranh, bảng phụ, bài hát Con chim non, loa, điện thoại .

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con

**II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát bài hát Con chim non kết hợp vận động  - Ổn định lớp bắt đầu vào bài học mới.  **2. Nhận biết**  - GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - Em thấy gì trong tranh?  - Lớp cùng GV nhận xét.  - GV đưa câu nhận biết đọc mẫu và yêu cầu HS nói theo (GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo)  Nhện ngắm nghía / tấm lưới vừa làm xong.  - GV giới thiệu các vần mới am, ăm, âm . Viết tên bài lên bảng.  **3. Đọc**  **a. Đọc vần**  \* Đọc vần am.  - Đánh vần: GV đánh vần mẫu: a – mờ - am  - Đọc trơn vần: GV cho HS đọc trơn vần: am  \* Đọc vần am, ăm, âm.  Quy trình tương tự quy trình đọc vần am.  **\***So sánh các vần  -So sánh các vần am, ăm, âm có điểm gì giống và khác nhau?  + Em hãy đọc lại các vần vừa học?  **b. Đọc tiếng**  \* Đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu: làm   |  |  | | --- | --- | | l | am | | làm | |   - GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng: làm  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu túi  (lờ - am- lam - huyền – làm)  \* Đọc tiếng trong SGK  + Đọc tiếng chứa vần am:  - GV đưa các tiếng chứa vần am: cam, khám.  - Các tiếng trên có điểm gì chung ?  - GV yêu cầu HS đánh vần, đọc trơn các tiếng cùng vần.  + Đọc tiếng chứa vần am, ăm, âm. Qui trình tương tự vần am.  - Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: quả cam, tăm tre, củ sâm.  - GV yêu cầu HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu HS đọc lại các tiếng, từ ngữ vừa học.  **4. Viết bảng**  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần am, ăm, âm..  - HS viết vào bảng con: am, ăm, âm, tăm tre, củ sâm (chữ cỡ vừa).  - GV nhận xét và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs thực hiện  - 1 số HS trả lời theo nội dung tranh.  - HS lắng nghe  - HS đọc câu nhận biết.  - HS nhận biết vần am, ăm, âm  - HS đánh vần: CN-ĐT  - HS đọc trơn vần am: CN-ĐT  - HS so sánh: Giống nhau là đều có m đứng sau. Khác nhau ở chữ đứng trước a, ă, â.  - 2,3 HS đọc, lớp ĐT.  - HS lắng nghe, quan sát nhận biết mô hình và đọc  - HS đánh vần tiếng mẫu: CN – ĐT  - HS đọc trơn tiếng mẫu: CN-ĐT  - HS quan sát  - Đều chứa vần am  - HS đánh vần, đọc trơn: CN-ĐT  - 3,4 HS đọc (mỗi HS đọc trơn 3, 4 tiếng lẫn hai nhóm vần). Lớp ĐT  - HS quan sát tranh, nêu tên sự vật trong tranh.  - HS phân tích, đọc trơn các từ ngữ: CN-ĐT  - HS đọc theo nhóm.  - Lớp đọc ĐT (1 lần)  - HS quan sát.  - HS viết bảng con: am, ăm, âm, tăm tre, củ sâm.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:**  - GV cho cả lớp trò chơi Tôi bảo  **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS viết vần am, ăm, âm và các từ tăm tre, củ sâm vào vở Tập viết  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn: (Mùa hè, ve râm ran, sen nở thắm.Lũ trẻ............. ven hồ).  - GV giải thích nghĩa từ ngữ: râm ran, thảm cỏ (cho HS quan sát tranh).  - Tìm các tiếng có các vần am, ăm, âm ?  - GV yêu cầu HS đọc tiếng thảm, thắm, râm.  - Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp từng câu.  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  + Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến Hoa sen nở vào mùa nào?  +Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?...  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV liên hệ giáo dục HS cần biết yêu thiên nhiên, động vật, có ý thức bảo vệ môi trường.  **7. Nói theo tranh**  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK, đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  +Tranh vẽ cảnh ở đâu?  +Em nhìn thấy các con vật nảo trong tranh? +Mỗi con vật đang làm gì?  +Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS chia nhóm: +Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết?  - GV giáo dục HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật.  **8. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần am, ăm, âm.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS kể cho bố mẹ nghe các loài động vật và môi trường sống của chúng. | - Cả lớp chơi.  - HS viết vào vở Tập viết: am, ăm, âm, tăm tre, củ sâm.  (mỗi vần, từ ngữ 1 hàng)  - HS đọc thầm.  - HS quan sát tranh  - Tiếng: thảm, thắm, râm.  - HS đọc: CN-ĐT  - Đoạn văn có 2 câu.  - 1 số HS đọc nối tiếp câu.  - 2,3 HS đọc cả đoạn – Lớp ĐT  - HS trả lời.  - Lắng nghe.  - HS quan sát tranh trong SGK  - HS trả lời theo nội dung tranh.  -HS chia nhóm, thực hành nói.  - HS lắng nghe  - HS thi tìm theo yêu cầu.  - HS nhận xét tiết học  - HS lắng nghe, quan sát |

**Sáng Thứ Năm ngày 28 tháng 10 năm 2020**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**BÀI 30 - ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức**: Nắm vững cách đọc viết các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2. Kỹ năng:** Phát triển kỹ năng đọc, viết thông qua từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

**3. Năng lực:** Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám. Phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua đọc và kể chuyện.

**4. Phẩm chất:** Rèn phẩm chất nhân ái, giữ gìn, trân trọng tình bạn.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:**Tranh; Bảng phụ, bài hát Cá vàng bơi, loa, điện thoại.

**2. Học sinh:** Sách, vở, đồ dùng học tập

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và Khởi động:**  - GV cho chơi trò chơi: đèn xanh, đèn vàng, đèn đỏ.  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp. GV viết vào bảng phụ.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng các từ ngữ: củ sắn, tấm gỗ, bàn chân, khôn lớn, đèn pin, ngọn cỏ, mưa phùn, bến đò, chăm chỉ, trạm y tế.  - Gv nhận xét và nhận xét.  **3. Đọc câu**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì?  +Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế?  +Câu thảo cho thấy rùa cố gắng để thi cùng thỏ?  +Kết quả cuộc thi thế nào?  +Em học được điều gì từ nhân vật rùa?  Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS viết vào Tập viết 1, tập một từ đỗ đỏ trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - GV quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS. | - HS tham gia chơi  -HS ghép và đọc  -HS trả lời  - HS đọc  - HS đọc  - HS thực hiện theo yêu cầu  - HS đọc CN-ĐT  -HS trả lời  - HS viết theo yêu cầu  - Hs nhận xét  - Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:**  - GV cho cả lớp nghe bài hát: Cá vàng bơi.  **5. Kể chuyện**  **a. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn. GV hỏi HS:  1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai?  2. Hằng ngày, đôi bạn gà nâu và vịt xám làm gì?  Đoạn 2: Từ một năm đến có mình rồi mà. GV hỏi HS:  3. Chuyện gì sảy ra khiến gà nâu không thể sang sông?  4. Ai đã an ủi ga nâu lúc gặp khó khăn?  Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trờ lại. GV hỏi HS:  5. vịt đã giúp gà bằng cách nào?  6. Vì sao gà nhờ vịt cõng qua sông để tự kiếm ăn?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì?  8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng?  - GV giáo dục HS biết yêu quý, đoàn kết với bạn bè, luôn biết giúp đỡ bạn.  **b. HS kể chuyện**  - GV treo tranh, hướng dẫn HS kể lại từng đoạn  - GV cho HS kể lại từng đoạn chuyện trong tranh theo nhóm 4.  - Một số nhóm kể toàn bộ câu chuyện  - Mời một số HS thi kể lại toàn bộ câu chuyện  - Nhận xét, tuyên dương.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: Kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè nghe câu chuyện. | - HS cùng tham gia hát  - Hs lắng nghe  - HS nghe và trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - Kể lại đoạn chuyện theo nhóm 4.  - 1 số nhóm chia sẻ.  - 1 số HS thi kể chuyện.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |

**Sáng Thứ Năm ngày 29 tháng 10 năm 2020**

**Môn: Ôn Tiếng Việt**

**Bài: Ôn tập an, ăn, ân, on, ôn, ơn**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Ôn tập vần an, ăn, ân, on, ôn ,ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần an, ăn, ân, on, ôn, ơn.

**2. Kĩ năng:** Phát triển kĩ năng đọc, viết, vận dụng để làm các bài tập.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác.

**4. Phẩm chất:** Rèn cho học sinh tính chăm chỉ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Giáo viên:** Vở bài tập; Tranh, bảng phụ BT1/30, BT2 và BT3/tr31.

**2. Học sinh:** Vở bài tập TV, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS nghe bài hát : Đàn gà con  - GV cho HS chơi trò chơi : “Ai nhanh ai đúng” nghe và nêu những tiếng có vần an, ăn, ân.  - GV nhận xét  **2. Luyện tập**  **Bài 1/tr30**: Khoanh tròn theo mẫu  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV treo bảng phụ các từ có vần an, ăn, ân theo vở BT  - GV hỏi: Trong dòng thứ nhất tiếng nào chứa vần an?  + Trong dòng thứ hai tiếng nào chứa vần ăn?  +Trong dòng thứ ba tiếng nào chứa vần ân?  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi  - GV cho các nhóm chia sẻ trước lớp  - GV cho HS làm bài vào vở  - GV cho HS quan sát, GV làm mẫu  - GV cho HS khoanh vào vở BT  **Bài 2/tr31**: Điền on, ôn hoặc ơn  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV cho học sinh quan sát nêu nội dung tranh?  +Tranh vẽ gì?  + GV nêu mối liên hệ giữa các tranh.  + GV nhận xét chốt câu trả lời  + Có âm m muốn có tiếng món ta làm thế nào?  + Có âm kh muốn có tiếng khôn ta làm thế nào?  +Có âm l muốn có tiếng lớn ta làm thế nào?  - GV giải thích nghĩa từ cho HS  - GV đọc câu thơ  - GV cho HS đọc đồng thanh theo dãy, lớp.  - GV hướng dẫn HS làm bài vào vở BT  **Bài 3/tr32**: Điền *cơn, bốn, hon, khôn, chồn* hoặc *nón*  - GV nêu yêu cầu của bài  - GV treo bảng phụ 6 từ khuyết thiếu lên bảng.  - GV hướng dẫn học sinh ghép các tiếng có sẵn với các tiếng bài tập cho sao cho đúng nhất.  - Số….. -….mưa - chú bé tí h….  -……lá - con ….. -…………lớn  - GV giải nghĩa từ  - Gv hướng dẫn học sinh làm vở  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Cho HS đọc lại các từ trong vở BT  - Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS lắng nghe  - Hs trả lời  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Chia sẻ.  - HS khoanh ở vở  - HS lắng nghe  - HS nêu.  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  - HS trả lời: thêm vần on  - HS trả lời: thêm vần ôn  - HS trả lời: thêm vần ơn  - HS làm vở BT  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - Số bốn - cơn mưa - chú bé tí hon  - nón lá - con chồn - khôn lớn  - Hs thực hiện  - Hs đọc  - HS nhận xét, lắng nghe |

**Sáng Thứ Sáu ngày 30 tháng 10 năm 2020**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP ĐỌC VÀ VIẾT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nắm vững cách đọc vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; đọc đúng tiếng từ ngữ, câu có âm on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; Hoàn thành bài viết trong tuần.

**2. Kỹ năng:** Phát triển kĩ năng đọc,viết thông qua viết từ ngữ chứa một số vần chữ đã học.

**3. Năng lực:** Phát triển năng lực lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, hợp tác.

**4. Phẩm chất:** Yêu thích môn học, chăm đọc, viết bài.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. GV:** Bảng nhóm viết các tiếng, từ và câu.

**2. HS:** bảng con, vở ô li, bảng, phấn, khăn lau

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  Cho HS chơi trò chơi: Mời bạn  **2. Đọc vần, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần**  - GV viết các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm lên bảng, yêu cầu HS đọc.  - GV theo dõi sửa lỗi phát âm cho HS  **b. Đọc tiếng, từ ngữ**  - GV cho HS ghép âm đầu m, n, g, gi, gh, nh, ng, ngh với các nguyên âm on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm để được các tiếng mới.  - GV gọi HS đọc trơn kết hợp phân tích.  - GV viết các từ: củ sắn, tấm gỗ, bàn chân, khôn lớn, đèn pin, ngọn cỏ, mưa phùn, bến đò, chăm chỉ, trạm y tế.  - Cho HS luyện đọc các từ ngữ trên  - GV nhận xét  **3. Viết bảng con**  - GV cho học sinh viết vào bảng con một số chữ ghi âm, tiếng từ đã học: on, ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm.  - GV quan sát giúp đỡ HS.  - GV nhận xét bài. | - HS tham gia chơi  - HS đọc CN - ĐT  - HS ghép lại và nêu  - HS đọc và phân tích  - HS đọc CN - ĐT  - HS viết bảng con. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Cho HS chơi trò chơi: Thò thụt  **4. Viết vở**  - GV yêu cầu học sinh viết tiếp các bài chưa hoàn thành trong tuần trong vở tập viết.  - GV sửa tư thế ngồi viết và cách cầm bút cho HS.  - GV nhận xét bài viết của HS.  **5. Đọc**  - GV viết lên bảng một số câu: Đàn gà cứ tha thẩn gần chân mẹ.  Mùa hè, ve râm ran, sen nở thắm. Lũ trẻ nô đùa trên thảm cỏ ven hồ.  - GV cho HS luyện đọc trơn cả câu.  - GV theo dõi nhận xét, sửa sai  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: Đàn gà như thế nào? Mùa thè như thế nào? Lũ trẻ làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **6. Củng cố**  - Mời một số em đọc lại bài.  -GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn học sinh chuẩn bị đầy đủ SHS, đồ dùng học tập  ( bảng con, bút chì, phấn, khăn lau bảng). | - HS tham gia chơi  - HS viết bài vào vở tập viết.  - HS theo dõi  - HS đọc CN - ĐT.  - HS trả lời  - HS đọc CN - ĐT.  - HS nhận xét. |

**Bài** en, ên ,in, un

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* Khởi động:**  - GV cho cả lớp chơi trò chơi Trời ta.  **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS viết vần en, ên ,in, un và các từ đèn pin, nến, cún vào vở Tập viết.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **6. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn: (Con gì tên rõ là “cha”...................thỏ thua chả ngờ).  - GV giải thích nghĩa từ ngữ: cha, già mua (cho HS quan sát tranh).  - Tìm các tiếng có các vần en, ên ,in, un?  - GV yêu cầu HS đọc tiếng tên,quen, ngủn.  - Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp từng câu.  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thì đã thắng?  +Rùa có dáng vẻ thế nào?  +Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa?  +Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”?  +Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV liên hệ giáo dục HS yêu thương, bảo vệ động vật..  **7. Nói theo tranh**  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK, đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  +Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ? +Nam có lỗi không?  +Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV chia nhóm, đóng vai tình huống diễn ra giữa Nam và bác bảo vệ: Nam đá bóng vào lưng bác bảo vệ. Bắc bảo vệ nhặt quả bóng và nói: Ổ! Một quả bóng! Nam nói lời xin lỗi.  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần en, ên ,in, un.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp nói lỗi xin lỗi khi mình làm sai. | - Cả lớp chơi  - HS viết vào vở Tập viết: en, ên ,in, un, đèn pin, nến, cún. (mỗi vần, từ ngữ 1 hàng)  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm.  - HS quan sát tranh  - Tiếng: tên, quen, ngủn.  - HS đọc: CN-ĐT  - Đoạn văn có 2 câu.  - 1 số HS đọc nối tiếp câu.  - 2,3 HS đọc cả đoạn – Lớp ĐT  - HS trả lời.  - HS trả lời  - HS quan sát tranh trong SGK  - HS trả lời theo nội dung tranh.  -HS chia nhóm, đóng vai.  - HS lên đóng vai trước lớp.  - Quan sát, nhận xét.  - HS thi tìm theo yêu cầu.  - HS nhận xét tiết học.  - HS lắng nghe |